TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2019
V/v ly hôn giữa chị T và anh G

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Chị Trần Thị Minh Vễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Xuân Quỹ
2. Ông Huỳnh Thanh Vũ

- ***Thư ký phiên tòa***: Chị Nguyễn Thị Giai Thoại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát Vên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2019 về Vệc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 100/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp AL, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT "có mặt"

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp TH, thị trấn CĐ, huyện Đ, thành phố Cần Thơ "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 13-02-2019 quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh G xác lập hôn nhân vào đầu năm 2008; có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau. Vợ chồng ly thân từ 2015 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị T xin ly hôn. Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị V sinh ngày 27-11-2008 và Nguyễn Hoàng K sinh ngày 16-7-2011, cháu V đang sống cùng chị T, cháu K đang sống cùng anh G. Về tài sản

chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh, chị xác định không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng G thống nhất với lời trình của chị T về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cải vã bất hòa, anh và chị T ly thân khoảng 05 năm nay. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý, về con chung anh đồng ý nuôi cháu K, cháu V thì giao cho chị T nuôi dưỡng, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh G là bị đơn được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G xác lập hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Tại phiên tòa, anh G vắng mặt nhưng tại biên bản ghi khai ngày 20-5-2019 anh G xác định hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị T và anh G.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh, chị tự thỏa thuận chị T nuôi cháu V, anh G nuôi cháu K. Anh, chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Không có.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có

[3] Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hoàng G.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị V sinh ngày 27-11-2008 cho chị T nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hoàng K sinh ngày 16-7-2011 cho anh G nuôi dưỡng. Anh, chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh, chị được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 001467 ngày 29-3-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử canh khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tống đật hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CĐ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn